

MUA [+12.08%]

Ngày cập nhật: 29/10/2019

 Giá mục tiêu **25,668** VNĐ

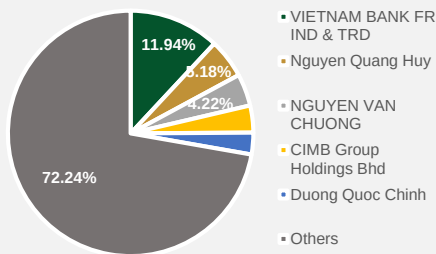
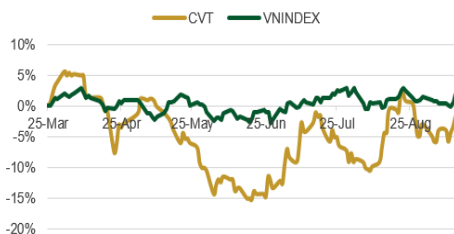
 Giá hiện tại **22,900** VNĐ
(25.10)

PHS

(+82-28) 5 413 5479– support@phs.vn

Thông tin cổ phiếu

CP đang lưu hành (triệu)	36.4
Free-float (triệu)	29.4
Vốn hóa (tỷ đồng)	853.06
KLGD TB 3 tháng	261,839
Sở hữu nước ngoài	13.41%
Ngày niêm yết đầu tiên	05/10/2017

Cổ đông lớn

Biến động giá cổ phiếu so với Index

Lịch sử định giá


Nguồn: FiinPro

Quý 3/2019 tăng trưởng ấn tượng nhờ vào chuyển biến tích cực trong hoạt động bán hàng

Cập nhật kết quả kinh doanh Q3/2019: Trong quý 3/2019, công ty cổ phần CMC tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, số liệu cập nhật cho thấy doanh thu thuần quý 3/2019 CVT đạt 461.4 tỷ VND (+12.0% yoy) và là mức doanh thu cao nhất trong lịch sử của CVT.

Đà phục hồi trong quý 3 đến từ việc doanh số bán hàng bắt đầu tăng nhanh trong 2 quý cuối năm phục vụ nhu cầu chỉnh trang nhà cửa. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng nhu cầu thị trường cho các dòng sản phẩm mới như gạch ốp lát thấm muối tan và muối vi tinh đang tăng nhanh hỗ trợ cho doanh số bán hàng của CVT.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu CVT đạt 1,112.7 tỷ VND, tăng nhẹ 6.0% so với cùng kỳ 2018, hoàn thành 65.5% kế hoạch doanh thu cả năm 2019. Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế (LNTT) quý 3 của CVT đạt mức 65.7 tỷ VND (+26.8% yoy), lũy kế LNTT đạt 136 tỷ VND (-5.0% yoy), hoàn thành 61.8% kế hoạch năm 2019.

Dự phóng kết quả kinh doanh 2019:

Trong báo cáo này, chúng tôi tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tích cực trong quý 3 ở cả doanh thu và lợi nhuận trước thuế của công ty. Doanh thu thuần trong năm 2019 dự kiến sẽ đạt mức 1,553.1 tỷ VND (+7.0% yoy) thay đổi +3% so với với báo cáo trước nhờ vào hiệu suất tiêu thụ sản phẩm Ceramic và Granite mới được tăng thêm.

Lợi nhuận sau thuế 2019 ước đạt mức 167.67 tỷ VND, tăng trưởng (+3.5% yoy). Sức tiêu thụ các sản phẩm có biên lợi nhuận cao ở các dòng gạch ốp lát mới chưa thể sớm cải thiện mạnh biên gộp của đơn vị. Đồng thời tác động độ trễ của giá nguyên liệu đầu vào giảm trong năm 2019 có thể vẫn chưa được phản ánh trong kết quả kinh doanh 2019Q3.

Hiện tại, biên lợi nhuận gộp (LNG) của đơn vị vẫn duy trì ở mức tương đương trong năm 2018, biên lãi gộp 2019Q3 đạt 17.53% có sự cải thiện nhẹ hơn so với mức 17.25% cùng kỳ. Biên LNG trong quý 4 có thể tăng thêm 5% so với quý 3 do tiếp tục hoạt động giải phóng tồn kho và thúc đẩy bán hàng mạnh mẽ hơn vào dịp cuối năm, kéo biên gộp cả cải thiện nhẹ so với mức cùng kỳ 2018. Theo đó, biên LNG 2019 cập nhật ước đạt 19.77%, cải thiện nhẹ so với cùng kỳ 2018.

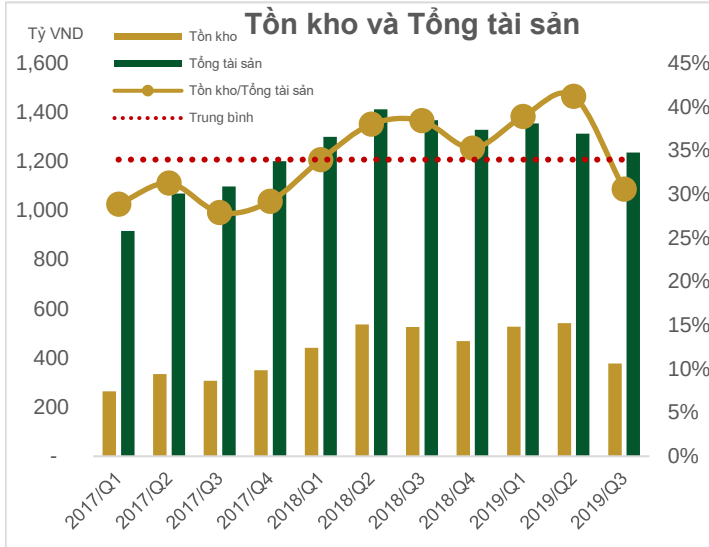
Quý 3-4 vẫn là thời điểm tập trung phần lớn doanh thu của doanh nghiệp, nên cần theo dõi khả năng có sự đột phá trong kết quả kinh doanh của CVT trong giai đoạn đáng chú ý này.

Định giá: Bằng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền và định giá so sánh PE, với giả định thận trọng, chúng tôi xác định mức giá hợp lý cho CVT nằm ở mức 25,668 VND/cổ phiếu, tương đương PE Forward bằng 5.62x, ứng với mức upside 12.08%, từ đó có khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu này.

Rủi ro: (1) Việc thay đổi nguồn nhiên liệu từ khí than sang nhiên liệu đốt GAS làm tăng chi phí nguyên vật liệu và giảm biên gộp; (2) Áp lực cạnh tranh tăng cao khi các doanh nghiệp trong ngành đều cố gắng tối đa hóa công suất thiết kế.

Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	721.9	680.2	1,117.7	1,181.1	1,450.9	1,553.1
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	165.2	62.7	152.0	173.8	162.0	167.7
EPS (VND)	10,327.8	3,263.9	7,918.9	6,157.1	4,414.9	4,569.9
Tăng trưởng EPS (%)	945%	-68%	143%	-22%	-28%	4%
P/E						5.62x
Cổ tức tiền mặt (VND)	25%	0%	10%	0%	0%	25%

Nguồn: Báo cáo tài chính, PHFM Reseach



Điểm sáng đáng chú ý trong hoạt động bán hàng

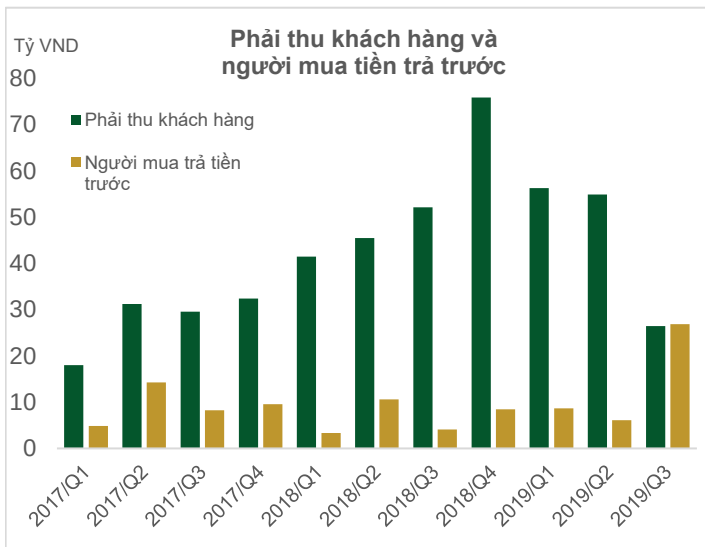
Từng bước đẩy mạnh giải phóng lượng hàng tồn kho lớn

Hàng tồn kho thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản, rủi ro hàng tồn kho chiếm dụng vốn là gánh nặng cho công ty khi thực hiện chính sách bán trả chậm cho khách hàng.

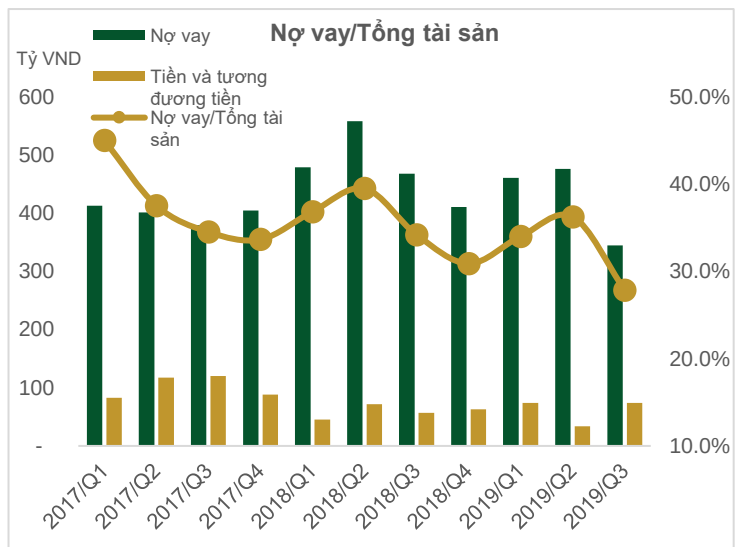
Cuối quý 3/2019, tỷ lệ tồn kho trên tổng tài sản giảm mạnh về mức 31% từ mức đỉnh 42% trong quý 2. Việc giải quyết được lượng tồn kho lớn trong thời gian ngắn cho thấy chuyển biến tích cực của CVT trong thúc đẩy doanh số bán hàng. Thêm vào đó, lượng hàng tồn kho trong quá khứ được giải phóng sẽ dọn đường cho các thành phẩm có giá gốc thấp hơn (được hưởng lợi từ giá nguyên liệu đầu vào giảm), góp phần cải thiện biên lợi nhuận của CVT từ quý 4/2019.

Nguồn: Báo cáo tài chính

Tình hình công nợ có những chuyển biến tích cực



Nguồn: Báo cáo tài chính



Nguồn: Báo cáo tài chính

Trong quý 3/2019, chính sách bán hàng cũng có những điểm sáng được phản ánh rõ ở các khoản phải thu và người mua trả tiền trước. Khoản mục phải thu khách hàng giảm mạnh xuống mức 26 tỷ VND từ mức cao 52 tỷ VND trong quý 2. Trong khi đó, các khoản người mua trả tiền trước ghi nhận mức tăng đột biến từ 6 (quý 2/2019) lên 27 tỷ VND (+300% yoy) trong quý 3/2019. Chúng tôi đánh giá CVT đã có sự cải thiện tích cực trong việc giải quyết các khoản công nợ bán hàng ở quý 3. Theo đó, CVT đang từng bước giải quyết bài toán tối ưu hóa vốn lưu động, cải thiện tình hình tài chính của công ty đảm bảo sử dụng tốt nguồn tiền thu về từ hoạt động kinh doanh.

Từ nguồn tiền có được, CVT tiếp tục tận dụng để giảm bớt áp lực nợ vay, hiện tỷ lệ nợ vay/tổng tài sản ở mức thấp nhất kể từ 2017/Q1 và vẫn đang trên đà giảm. Với bước đi thận trọng trong sử dụng cơ cấu vốn, doanh nghiệp có thể giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính ngay trong năm 2019, bảo vệ biên lãi ròng trong giai đoạn tới.

CMC2 Giai đoạn 4 vẫn chưa được thực hiện trong quý 3/2019

Về dự án CMC2 - giai đoạn 4 vẫn chưa được thực hiện trong quý 3/2019, cần tiếp tục theo dõi tình hình của CMC Giai đoạn 4 trong các quý tới. Nhà máy CMC2 – giai đoạn 4 hoàn thành sẽ là nhân tố thúc đẩy doanh thu tăng mạnh đi kèm tỷ trọng các sản phẩm có biên cao tăng lên góp phần cải thiện biên LNG.

Dự báo năm 2019 và định giá

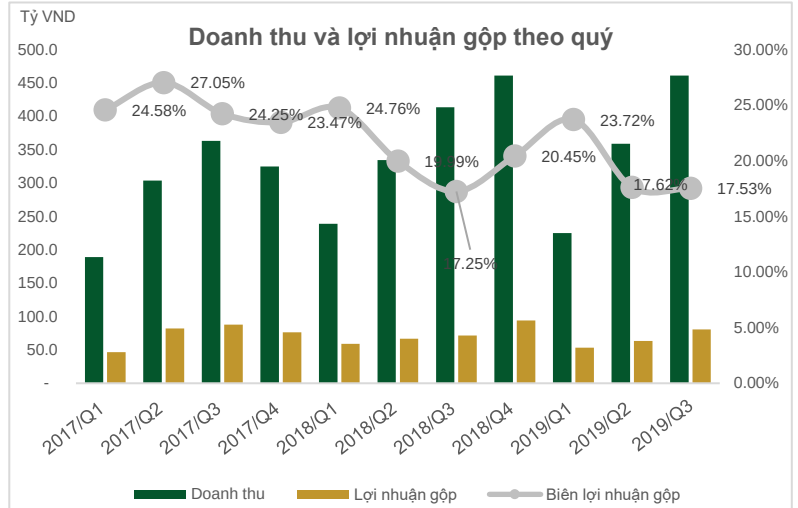
Doanh thu thuần quý 3/2019 CVT đạt 461.4 tỷ VND (+12.0% yoy). Đây là kết quả khá tích cực là mức doanh thu cao nhất trong lịch sử của CVT.

Đà phục hồi trong quý 3 đến từ việc doanh số bán hàng tăng nhanh trong 2 quý cuối năm phục vụ nhu cầu chỉnh trang nhà cửa. Bên cạnh đó, chúng tôi cho rằng nhu cầu thị trường cho dòng sản phẩm mới gồm gạch ốp lát thấm muối tan và muối vi tinh đang tăng nhanh hỗ trợ cho doanh số bán hàng của CVT đi lên. Trong điều kiện thị trường gạch ốp lát chịu áp lực cạnh tranh do cung nhiều hơn cầu, CVT cho thấy hướng đi hiệu quả trong việc khai thác hệ thống đại lý phân phối ở miền Bắc.

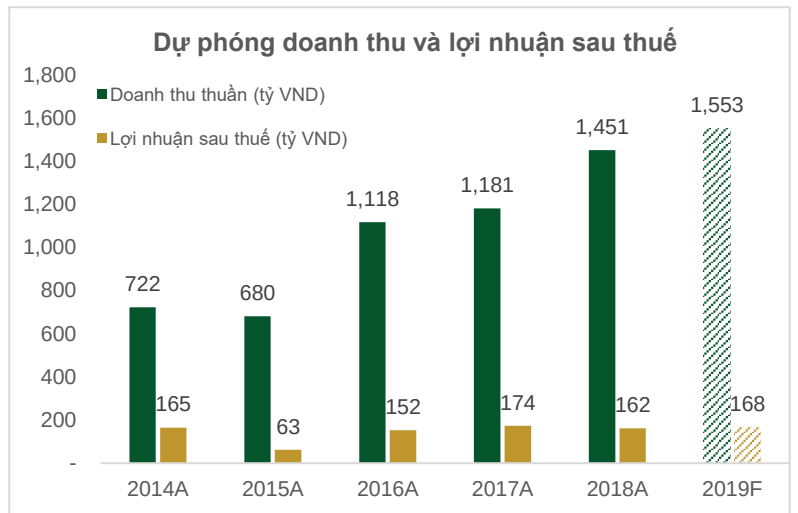
Doanh thu thuần trong năm 2019 dự kiến sẽ đạt mức 1,553.1 tỷ VND (+7.0% yoy) nhờ vào hiệu suất tiêu thụ sản phẩm Ceramic và Granite mới được tăng thêm. Lợi nhuận sau thuế 2019 ước đạt mức 167.67 tỷ VND (+3.5% yoy).

Biên lợi nhuận CVT có thể đã chạm đáy trong quý 3/2019 và có thể cải thiện dần trong các quý tới do hưởng lợi từ việc giá nhiên liệu như than và khí đốt nhập khẩu đều giảm so với cùng kỳ. Thêm vào đó, cùng với việc đẩy mạnh xử lý hàng tồn kho, các dòng sản phẩm mới có biên cao sẽ chiếm tỷ trọng nhiều hơn trong sản lượng tiêu thụ góp phần cải thiện biên gộp trong năm 2019. Ước tính biên gộp trong quý 4/2019 tăng trưởng thêm 5% so với quý 3 giúp đưa biên lợi nhuận gộp cả năm cải thiện nhẹ ở mức 19.77%.

Bằng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền và định giá so sánh PE, với giả định thận trọng, chúng tôi xác định mức giá hợp lý cho CVT nằm ở mức 25,668 VND/cổ phiếu, tương đương PE Forward bằng 5.62x, ứng với mức upside 12.08%, từ đó có khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu này.



Nguồn: Báo cáo tài chính



Nguồn: Báo cáo tài chính, PHFM Research

Một số các thay đổi trong các giả định định giá so với báo cáo trước

Chỉ tiêu	Báo cáo lần đầu (12/08/2019)	Báo cáo cập nhật (22/10/2019)	Ghi chú
Tăng trưởng doanh thu	Doanh thu đi ngang. Tăng trưởng ở mức 4% yoy	Tăng trưởng doanh thu lên mức 7% yoy	Hoạt động bán hàng 2 quý cuối năm sôi động hơn dự kiến. CVT đẩy mạnh giải phóng hàng tồn kho.
Biên lợi nhuận gộp	Đi ngang ở mức 19.1%	Cải thiện nhẹ lên mức 19.77%	Kỳ vọng biên LNG chạm đáy trong quý 3/2019. Giá nhiên liệu đầu vào là than và khí đốt trên đà giảm mạnh. Tỷ trọng sản phẩm biên cao tăng lên
Beta điều chỉnh	0.99	0.95	Cập nhật số liệu định giá 10/2019
WACC	13.02%	12.71%	
P/E Peer	4.7x	5.8x	

Định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

Chỉ tiêu (triệu VND)	2019F	2020F	2021F	2022F	2023F
LNST	167,673	170,586	172,636	175,600	181,552
Lãi Vay Sau thuế	29,698	30,166	30,504	31,013	32,253
Khấu hao	128,440	139,445	150,440	160,829	173,535
Thay đổi VLĐ	-73,929	-67,893	-74,381	-86,797	-107,339
Chi TSCĐ	-91,626	-120,000	-119,888	-113,294	-138,543
FCFF	160,257	152,305	159,310	167,351	141,458
WACC	12.71%	-	-	-	-
Hệ số chiết khấu	1.00	2.00	3.00	4.00	5.00
PV CF	142,185	119,891	111,264	103,700	77,770
PV Giá trị cuối cùng (g=1.0%)	670,765				
Giá trị DN	1,225,574				
Nợ	-373,201				
Tiền mặt	62,430				
Giá trị vốn hóa (Triệu VND)	914,803				
CP lưu hành	35,390,887				
Giá mỗi cổ phiếu (VND)	24,933				

Định giá theo phương pháp so sánh PE

MÃ	Vốn hóa (Triệu USD)	P/E Peer
GMX	5.9	8.20x
VHL	29.30	4.86x
VIT	12.60	3.81x
TLT	4.19	6.24x
Average		5.78x

Phương pháp	Giá	Trọng số	
DCF	24,933	50%	12,466.5
PE	26,403	50%	13,201.5
			25,668.0

Rủi ro:

- (1) Việc thay đổi nguồn nhiên liệu từ khí than sang nhiên liệu đốt GAS làm tăng chi phí nguyên vật liệu và giảm biên lợi nhuận gộp.
- (2) Áp lực cạnh tranh tăng cao trong khi thị trường bất động sản đang có chiều hướng chững lại trong năm 2019.

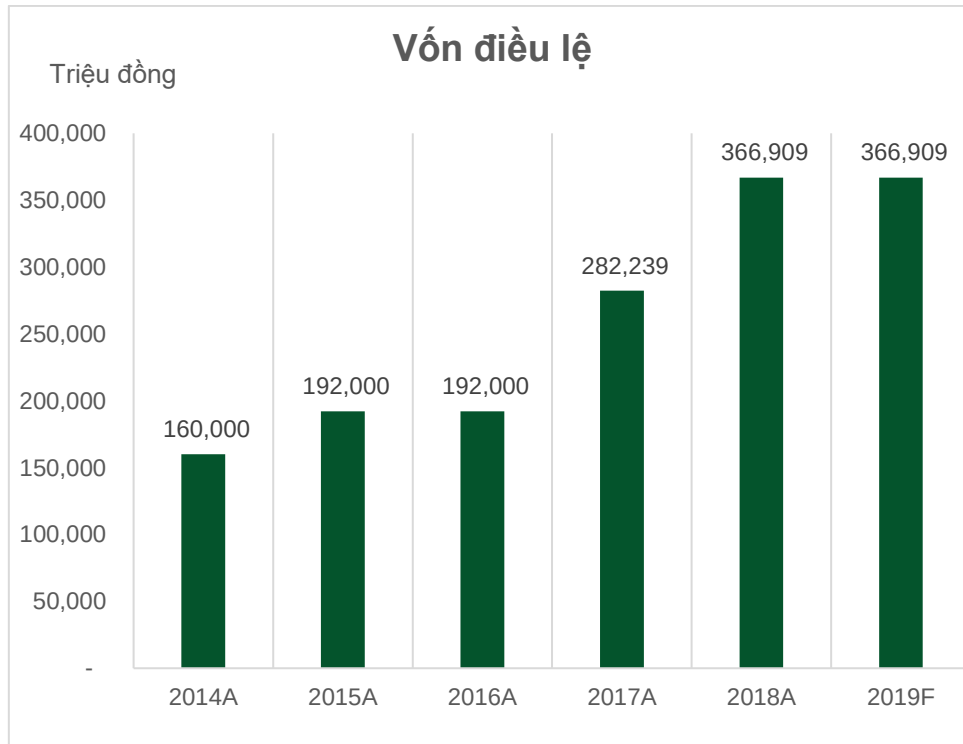
Sơ lược công ty

CVT chủ yếu sản xuất, kinh doanh các loại gạch ốp, lát bao gồm: **(1)** Gạch ốp, gạch lát ceramics: là mặt hàng truyền thống từ 1997 và hiện chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng sản lượng bán ra của doanh nghiệp (trong năm 2018 chiếm 71% tổng sản lượng). **(2)** Gạch ốp, lát granit: chiếm gần 25% tổng sản lượng. **(3)** Ngói: Sản phẩm mới bắt đầu tung ra thị trường năm 2016.

Nguyên vật liệu để sản xuất gạch của CVT chủ yếu gồm đất sét và tràng thạch (fenspat), nguồn cung cấp các nguyên vật liệu này cho CVT tập trung ở các tỉnh phía Bắc trong nước. CVT hiện nay đang sử dụng khí than với than cám được mua từ Quảng Ninh để làm nhiên liệu cho các lò nung thành phẩm bên cạnh đưa vào vận hành một số lò nung bằng khí đốt.



Quá trình tăng vốn



Nguồn: CVT và PHFM tổng hợp

Báo cáo tài chính (triệu VND)

Kết quả kinh doanh	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Doanh thu thuần	721,903	680,204	1,117,721	1,181,090	1,450,900	1,553,120
Giá vốn hàng bán	483,267	548,634	854,551	899,580	1,164,516	1,246,041
Lợi nhuận gộp	238,636	131,570	263,170	281,510	286,384	307,079
Chi phí bán hàng	6,181	6,560	5,160	7,806	11,137	11,137
Chi phí QLDN	29,350	29,749	41,489	41,120	39,112	55,381
Lợi nhuận từ HĐKD	203,105	95,261	216,522	232,585	236,134	240,560
Lợi nhuận tài chính	(21,595)	(19,217)	(34,959)	(23,728)	(36,608)	(38,262)
Chi phí lãi vay	22,136	19,552	35,914	27,383	34,797	37,249
Lợi nhuận trước thuế	(750)	4,446	8,773	8,615	3,646	8,006
Lợi nhuận sau thuế	180,761	80,491	190,336	217,472	203,173	210,305
LNST của cổ đông Công ty mẹ	165,244	62,667	152,042	173,779	161,986	167,673
Cân đối kế toán	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Tài Sản Ngắn Hạn	382,063	383,842	465,492	509,764	634,312	790,208
Tiền và tương đương tiền	151,788	75,417	149,245	74,014	62,430	149,750
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	20,000	-	-
Phải thu ngắn hạn	48,709	25,892	34,105	56,782	90,599	102,403
Hàng tồn kho	180,594	257,562	266,620	348,503	476,670	529,985
Tài sản ngắn hạn khác	972	24,971	15,521	10,465	4,612	8,070
Tài Sản Dài Hạn	273,657	547,940	540,654	727,430	700,729	663,914
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	263,823	251,934	506,649	433,629	671,307	634,492
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	3,894	291,550	31,035	285,650	16,559	16,559
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	5,941	4,456	2,970	8,152	12,863	12,863
Lợi thế thương mại	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng tài sản	655,721	931,782	1,006,146	1,237,195	1,335,041	1,454,122
Nợ phải trả	414,787	642,019	619,488	696,702	700,813	780,057
Nợ ngắn hạn	296,619	384,388	462,732	530,558	671,625	663,057
Nợ dài hạn	118,168	257,632	156,757	166,144	29,188	117,000
Vốn chủ sở hữu	240,933	289,763	386,658	540,493	634,228	674,065
Vốn điều lệ	160,000	192,000	282,239	366,909	366,909	366,909
Thặng dư VCP	10,266	10,076	10,076	14,877	14,877	14,877
Lợi nhuận GL	50,647	62,667	152,042	173,779	197,798	232,450
Quỹ đầu tư phát triển	17,574	25,020	32,540	63,782	48,829	54,013
Quỹ dự phòng	2,446	-	-	-	-	-
Quỹ khác	-	-	-	5,816	5,816	5,816
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-
Tổng nguồn vốn	655,721	931,782	1,006,146	1,237,195	1,335,041	1,454,122

Lưu chuyển tiền tệ	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	55,912	26,573	268,805	190,339	91,156	236,158
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(76,259)	(255,909)	(88,567)	(267,914)	(59,534)	(89,737)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	121,088	152,774	(106,411)	2,344	(43,205)	(59,101)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	100,740	(76,562)	73,828	(75,231)	(11,584)	87,320
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	51,045	151,788	75,417	149,245	74,014	62,430
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	151,788	75,417	149,245	74,014	62,430	149,750

Chỉ số tài chính	2014A	2015A	2016A	2017A	2018A	2019F
Tăng trưởng (%)						
Doanh thu		-5.8%	64.3%	5.7%	22.8%	7.0%
Lợi nhuận sau thuế		-62.1%	142.6%	14.3%	-6.8%	3.5%
Tổng tài sản		42%	8%	23%	8%	9%
Tổng vốn chủ sở hữu		34%	42%	8%	23%	8%
Khả năng sinh lời (%)						
Tỷ suất lãi gộp	33.1%	19.3%	23.5%	23.8%	19.7%	19.8%
Tỷ suất EBIT	28.1%	14.0%	19.4%	19.7%	16.3%	15.5%
Tỷ suất EBITDA	34.0%	20.6%	28.0%	28.0%	23.9%	23.8%
Tỷ suất lãi ròng	22.9%	9.2%	13.6%	14.7%	11.2%	10.8%
ROA	33.6%	10.9%	19.2%	17.9%	14.4%	13.0%
ROE	134.8%	34.5%	57.3%	51.4%	34.9%	28.5%
Hiệu quả hoạt động						
Vòng quay khoản phải thu	18.37x	17.18x	34.36x	24.77x	19.16x	14.81x
Vòng quay hàng tồn kho	4.64x	3.10x	4.26x	3.84x	3.52x	2.93x
Vòng quay khoản phải trả	6.34x	5.41x	6.08x	5.51x	5.93x	5.93x
Khả năng thanh toán						
Tỷ suất thanh toán hiện thời	0.77x	1.29x	1.00x	1.01x	0.96x	0.94x
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.10x	0.42x	0.30x	0.25x	0.06x	0.39x
Cấu trúc tài chính						
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.63x	0.69x	0.62x	0.56x	0.52x	0.54x
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1.72x	2.22x	1.60x	1.29x	1.10x	1.16x
Vay ngắn hạn/VCSH	0.74x	0.69x	0.62x	0.44x	0.59x	0.51x
Vay dài hạn/VCSH	0.49x	0.89x	0.41x	0.31x	0.05x	0.17x

Nguồn: PHFM

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Văn Tiến Hưng, Chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801